TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HS–PT
Ngày: 13 – 8 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;
Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 843/2025/TLPT–HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 314/2025/HS–ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Họ và tên: Trần Văn H; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 8 năm 1985 tại tỉnh Phú Thọ (trước khi sáp nhập là tỉnh Vĩnh Phúc); HKTT: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ; (HKTT trước khi sáp nhập là: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc); nơi ở: Thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ (nơi ở trước khi sáp nhập là: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn H1, sinh năm 1951; con bà: Lê Thị L, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố H; có mặt.

- *Vụ án còn có các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập tham gia phiên toà*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 19h50’ ngày 17/7/2024, tại khu vực sông H thuộc địa bàn xã P, huyện B, Thành phố Hà Nội, Đội 3 – Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế – Công

an Thành phố H tiến hành kiểm tra đối với phương tiện tàu thủy nội địa gắn số hiệu PT–2705, kiểm tra trên phương tiện tàu hút có: Lái tàu Đỗ Văn D, phụ tàu Đầu Văn T1 và Vũ H2. Những người trên không xuất trình được giấy phép khai thác cát đồng thời khai nhận thực hiện khai thác cát trái phép theo sự chỉ đạo của Trần Văn T2 và Trần Văn H, sau khi khai thác được đầy khoang tàu sẽ tập kết cát về bãi số 9 tại thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổ công tác tiến hành lập biên bản thu giữ tàu hút cát mang số hiệu PT–2705 có chứa khối lượng cát là 220,3m^3 cát đen. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn T2 và Trần Văn H cùng tại địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và bãi tập kết, trung chuyển, kinh doanh vật liệu xây dựng tại địa chỉ: Số I, thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, thu giữ: 04 sổ sách ghi chép việc khai thác, kinh doanh cát trái phép; 01 phương tiện tàu hút (01 tàu lắp 01 vòi hút cát số hiệu NB-2756 của Trần Mạnh H3 và Trần Văn H chung tiền mua); 02 phương tiện máy xúc (01 máy nhãn hệu Hitachi, 01 máy nhãn hiệu Doosan màu cam); 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, màu trắng BKS 88A-494.36; 12 điện thoại di động các loại; 112.000.000 đồng (do Trần Văn T2 tự nguyện giao nộp); 7.975,0m^3 cát đen ở bãi tập kết số 9; 01 súng tự chế (của Trần Văn T2); 01 đầu thu Camera, 01 thẻ nhớ có chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến việc khai thác, kinh doanh trái phép cát.

Quá trình điều tra xác định được:

Vào đầu năm 2022 ông Nguyễn Quang V (là bố vợ của Trần Văn H) có thuê lại 1.300m^2 đất của Công ty TNHH N do ông Nguyễn Viết H4 làm Giám đốc, có địa chỉ tại: Số I, thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc với mục đích để làm bãi tập kết, trung chuyển, kinh doanh vật liệu xây dựng. Đến giữa năm 2023, ông V bàn giao lại việc kinh doanh trên cho vợ chồng Trần Văn H và Trần Văn T2 (là con bác ruột H) cùng quản lý bãi tập kết vật liệu xây dựng trên. Đến đầu tháng 7/2023 Trần Văn H không đăng ký thành lập công ty, không được cấp giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cát nhưng đã trao đổi bàn bạc với Trần Văn T2 góp tiền mua chung 01 phương tiện tàu hút gắn số hiệu PT–2705, không có đăng ký, đăng kiểm với giá 1.200.000.000 đồng của một người ở tỉnh Vĩnh Phúc, mua bán không có giấy tờ (không nhớ thông tin người bán), mục đích để khai thác cát trái phép trên sông H, khu vực giáp danh giữa địa bàn huyện B - Hà Nội với huyện V - Vĩnh Phúc. Tàu có thể tích chứa khoảng 220m^3, trên tàu đã lắp 02 bộ thiết bị sên, vòi, đầu nổ để hoạt động khai thác cát. Cả hai thống nhất mỗi người góp 50% (tương đương 600 triệu đồng/người). Lúc này có Vũ H2 biết được H và T2 mua tàu để đi khai thác cát nên có đặt vấn đề muốn góp tiền mua tàu để cùng khai thác cát. H trao đổi lại với T2 và được T2 đồng ý. Cả ba thống nhất H, T2 mỗi người góp 40%, còn H2 góp 20%. Sau khi mua tàu về Hiệp và T2 tiến hành sửa chữa, thay thế một số bộ phận bị hỏng.

Đến tháng 9/2023, T2, H, Vũ H2 thống nhất thuê người điều khiển phương tiện tàu mang số hiệu PT–2705 đi hút cát trái phép trên địa phận sông H, số cát sau khi khai thác được sẽ mang đến tập kết tại bãi số 9 rồi bán lại cho khách có nhu cầu. Sau khi trừ đi chi phí thuê người làm, xăng dầu, thuê mặt bằng ... số tiền còn lại sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn khi mua tàu. T2, H thống nhất để Nguyễn Thị T (là vợ của H) và Nguyễn Thị Thanh H5 (là vợ của T2) có nhiệm vụ ghi chép sổ sách theo dõi,

đối chiếu việc khai thác cát trái phép, thuê Đỗ Văn D và Đầu Văn T1 vận hành điều khiển thiết bị tàu PT–2705 đi khai thác cát trái phép hàng ngày tại địa phận xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội. H và Vũ H2 chỉ đạo D, T1 đi hút cát trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 21 giờ hàng ngày, có ngày khai thác 01 chuyến, có ngày khai thác 02 chuyến, có chuyến Vũ H2 đi cùng với D và T1 để khai thác cát. Sau khi khai thác cát được đầy khoang tàu khoảng 200m^3, D và T1 điều khiển tàu về tập kết tại bãi số 9 hoặc bán luôn cho tàu khác ngay trên sông. T, H5 trả lương theo tháng cho D và T1 15.000.000 đồng/1 người. Ngoài ra H và T2 còn thuê Nguyễn Mạnh C, Đỗ Quốc T3 và Khổng Văn T4 lái máy xúc để xúc cát từ khoang tàu lên bãi tập kết, trả lương theo thỏa thuận là 10.000.000 đồng/tháng/người. Số lượng chuyến khai thác trái phép D hoặc Trì báo lại với T và H5 để ghi chép vào sổ theo dõi và trả lương hàng tháng cho lái tàu và lái máy xúc. Ngoài khối lượng cát đã thu giữ tại tàu số hiệu PT–2705, Cơ quan điều tra kiểm tra sổ sách ghi chép theo dõi của H5 và T, xác định trong thời gian từ 29/5/2023 đến 17/7/2024, phương tiện tàu hút số hiệu PT–2705 đã khai thác trái phép được 241,5 chuyến cát đen. Tổng khối lượng cát là 200 m^3 x 241,5 chuyến = 48.300m^3.

Mở rộng điều tra xác định: Ngoài phương tiện tàu hút cát nhãn hiệu PT–2705 do T2, H, Vũ H2 chung tiền mua để khai thát cát trái phép, Trần Văn H còn trao đổi với Trần Mạnh H3 góp tiền mua chung phương tiện thủy nội địa số NB–2756 với công suất máy 240 mã lực, không có đăng kiểm, trọng tải 200m^3 với giá 1.100.000.000 đồng của anh Trần Văn T5; H3 và H mỗi người góp 50%. Ban đầu tàu này chỉ dùng để vận chuyển hàng hóa, sau đó H và H3 bàn bạc cải tiến tàu trên thành tàu hút cát. H3 sửa chữa và lắp thêm 01 bộ thiết bị sên, vòi, đầu nổ mục đích để đi khai thác cát trái phép trên sông H rồi bán lại cho khách. Cả hai thống nhất số tiền bán cát, sau khi trừ đi chi phí, H3 sẽ được hưởng ½ tiền lợi nhuận. Thời gian đầu khai thác cát chỉ có một mình Trần Mạnh H3 điều khiển tàu NB–2756 đi khai thác cát tại địa phận xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội, thời gian khai thác vào khoảng 19h00 đến 21h00 hàng ngày, có ngày khai thác được 01 chuyến, có ngày khai thác được 02 chuyến, mỗi chuyến khai thác đầy khoang tàu được khoảng 180m^3. Sau khi khai thác được cát đen, H3 chuyển cát về bãi tập kết số 9 của nhà H – T hoặc bán trực tiếp cho xe mua cát chờ tại bến. Đến tháng 01/2024, Trần Mạnh H3 rủ thêm con trai là Trần Mạnh H6 cùng điều khiển tàu NB–2756 đi khai thác cát trái phép, H6 có nhiệm vụ hỗ trợ bố trong quá trình khai thác cát, mỗi chuyến cát khai thác được H3 và H6 đều mang về bãi tập kết số 9 và thông báo với T để ghi chép sổ sách theo dõi làm căn cứ chia lợi nhuận.

Kiểm tra sổ ghi chép, theo dõi của T, H5, xác định: Trong thời gian từ 22/10/2023 đến ngày 07/7/2024, phương tiện tàu hút số hiệu NB–2756 do Trần Mạnh H3 và Trần Mạnh H6 điều khiển đã khai thác trái phép 74,5 chuyến (Trong đó thời gian từ tháng 01/2024 đến 07/7/2024 khai thác được 46 chuyến). Tổng khối lượng cát khai thác được là 74,5 chuyến x 180m^3 = 13.410m^3 cát.

Số cát do hai phương tiện tàu PT–2705 và NB–2756 khai thác được, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thanh H5 đều ghi cụ thể vào sổ về số chuyến, khối lượng cát đã khai thác được, sau đó chủ động tìm khách hàng có nhu cầu mua cát hoặc bán lại trực tiếp cho các xe đến khu vực bãi tập kết số I để mua với giá bán giao động từ

40.000 đồng đến 60.000 đồng/m^3 cát đen (hưởng lợi khoảng 15.000đ/m^3). Thu nhận trực tiếp bằng tiền mặt hoặc nhận tiền qua tài khoản số 103060000 mang tên Nguyễn Thị T mở tại Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh V1. Sau khi bán được cát, T và H5 trả lương tháng cho lái tàu là 15.000.000 đ/người, trả lương tháng cho lái máy xúc là 10.000.000đ/người. Số tiền lợi nhuận thu được từ việc khai thác cát khoảng 925.150.000 đồng (theo lời khai của T và H5), T và Huyền chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, cụ thể: Đối với tàu PT–2705, lợi nhuận sẽ chia 3 phần: 40% cho Trần Văn T2 là 289.800.000 đồng, 40% cho Trần Văn H là 289.800.000 đồng, 20% cho Vũ H2 là 144.900.000 đồng. Đối với tàu NB–2756, lợi nhuận sẽ chia 2 phần: 50% cho Trần Mạnh H3 là 100.575.000 đồng, 50% cho Trần Văn H là 100.575.000 đồng.

Đến khoảng 18h00' ngày 17/7/2024, theo chỉ đạo của H, Đỗ Văn D đi xe máy qua nhà Đầu Văn T1 đón để đi khai thác cát trái phép. Đến khoảng 19h00 cùng ngày D, T1 và Vũ H2 cũng lên tàu hút số hiệu PT–2705. D trực tiếp điều khiển phương tiện tàu ra sông H, địa phận xã P, huyện B, Thành phố Hà Nội. Khi ra đến nơi, T1 tiến hành thả neo tàu rồi cùng D vận hành thiết bị sên, vòi, đầu nổ hoạt động khai thác cát trái phép lòng sông H7. Vũ Hùng có nhiệm vụ cảnh giới các lực lượng chức năng kiểm tra. Khi cả ba hút cát được đầy khoang tàu thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế – Công an thành phố H phát hiện, kiểm tra, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

Cơ quan điều tra đã kiểm tra sổ ghi chép của T và H5 có nội dung chi "làm luật" cho lực lượng chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác cát trái phép. Từ ngày 07/6/2023 đến ngày 01/7/2024, Nguyễn Thị T đã ghi chép 17 lần chi tiền có nội dung "Chi Công an", "Luật CA", "Trả tiền luật cát 5 hôm"… với tổng số tiền là 191.300.000 đồng trong đó 14 lần chi tiền trùng vào các ngày khai thác cát trái phép của Trần Văn H và Trần Văn T2. Nguyễn Thị T khai H yêu cầu đưa tiền mặt trực tiếp cho H để đi quan hệ lo việc nên T ghi nội dung như trên, còn thực tế T không biết H đi gặp gỡ những ai, đưa tiền cho người nào, ngày 05/7/2023 T chuyển tiền vào tài khoản số 109876936666 mở tại Ngân hàng V2 của Đỗ Xuân B (sinh năm 1992, trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) số tiền 15.000.000 đồng theo yêu cầu của H. H khai chuyển số tiền trên cho anh B là người cùng làng để nhờ anh B lo "làm luật" với lực lượng Công an. Tuy nhiên anh B không thừa nhận có mối quan hệ với lực lượng chức năng, không nhận số tiền 15.000.000 đồng do chị T chuyển để đưa lực lượng Công an. Số tiền trên anh B nhận là tiền anh B bán cát cho H.

Xác minh tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc: Bãi vật liệu số I, thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty TNHH N quản lý và cho Công ty TNHH A mượn phần diện tích 1500m^2 để sử dụng làm kho bãi (theo Hợp đồng mượn mặt bằng làm kho bãi số 02/02/01/2024/HĐMKB ngày 02/01/2024). Quá trình sử dụng, Công ty TNHH A có tập kết 2.000m^3 cát nhưng đã di dời toàn bộ vào tháng 4/2024.

Tại Bản kết luận định giá số 75/KL-ĐGTS ngày 23/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 8.195,3m^3 cát đen tạm giữ ngày 17/7/2024 của Trần Văn T2 có giá là 695.499.000 đồng.

Tiến hành định giá tài sản đối với khối lượng cát căn cứ kết quả nghiên cứu sổ sách ghi chép lại của T và H5 của 02 tàu PT–2705 và NB–2756, xác định: Trong thời gian từ 29/5/2023 đến 17/7/2024, phương tiện tàu hút số hiệu PT–2705 đã khai thác trái phép được 241,5 chuyến cát, khối lượng 200m^3/chuyến, tổng khối lượng 48.300m^3. Trong thời gian từ 22/10/2023 đến ngày 07/7/2024, phương tiện tàu hút số hiệu NB–2756 đã khai thác trái phép được 74,5 chuyến cát, khối lượng 180m^3/chuyến tổng khối lượng: 13.410m^3.

Tại Bản Kết luận định giá số 108/KL-ĐGTS ngày 08/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Khối lượng cát đen là 48.300m^3 do phương tiện tàu hút số hiệu PT–2705 khai thác trong khoảng thời gian từ 29/5/2023 đến 17/7/2024 theo sổ sách các đối tượng ghi chép lại x 80.000/m^3 = 3.864.000.000 đồng. Khối lượng cát đen là 13.410 m^3 do phương tiện tàu hút số hiệu NB–2756 khai thác trong thời gian từ 22/10/2023 đến 07/7/2024 theo sổ sách các đối tượng ghi chép lại x 80.000 đồng/m^3 = 1.072.800.000 đồng. Tổng cộng là 4.936.800.000 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định số 7555/KL-KTHS ngày 24/10/2024 của Phòng K – Công an Thành phố H kết luận: 01 khẩu súng dạng súng tự chế của Trần Văn T2, xác định: khẩu súng tạm giữ có tác dụng tương tự súng thể thao, không phải súng quân dụng.

Ngày 01/11/2024, Phòng K – Công an Thành phố H có Kết luận giám định số 7742/KL-KTHS, kết quả trích xuất và phục hồi dữ liệu tin nhắn SMS và tin nhắn zalo trong điện thoại của 09 điện thoại di động của Trần Văn T2, Trần Văn H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh H5, Trần Mạnh H3, Vũ H2, kết quả: Thu giữ tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo phù hợp với nội liên quan đến việc khai thác và kinh doanh cát trái phép.

Xác minh tại Phòng C1 – Công an tỉnh V: Xe ô tô Huyndai Tucson, màu trắng, đã qua sử dụng, BKS: 88A–494.36, số khung: RLUJD81CBNN001806, số máy: D4HDMH720241 là của Trần Văn T2.

- Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 314/2025/HS–ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 05 (năm) năm tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 26/7/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn T2, Vũ H2, Trần Mạnh H3, Đỗ Văn D, Đầu Văn T1, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh H5, Trần Mạnh H6, áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2025 bị cáo Trần Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Văn H giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã thành khẩn khai báo, mức hình phạt 05 năm tù của bản án sơ thẩm đã xét xử là nặng, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhờ gia đình nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 240.375.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích, nội dung và các tình tiết của vụ án có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo là trong hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh, điều luật áp dụng: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai khai của các bị cáo khác và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ căn cứ kết luận: Trần Văn H, Trần Văn T2, Vũ H2 và Trần Mạnh H3 không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng vì muốn có lợi nhuận cao nên H, T2 và Vũ H2 đã chung tiền mua 01 tàu hút cát số hiệu PT–2705; ngoài ra, H cùng với Mạnh H3 góp tiền mua 01 tàu mang số hiệu NB–2756 sau đó sửa chữa và lắp hệ thống sên, vòi, đầu hút để thực hiện hành vi khai thác cát trái phép trên sông H. Đồng thời H, T2 còn thuê Đầu Văn T1 và Đỗ Văn D điều khiển tàu PT–2705, còn tàu NB–2756 do Trần Mạnh H3 và Trần Mạnh H6 điều khiển đi khai thác cát. Sau khi khai thác cát được đầy khoang tàu sẽ mang về tập kết tại bãi số I, thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để bán lại cho các khách có nhu cầu hoặc bán sang tàu khác tại bến. Hàng ngày H và T2 phân

công, chỉ đạo Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thanh H5 ghi chép lại số chuyến, khối lượng cát khai thác được, tiền bán cát vào sổ để theo dõi, trả lương cho nhân viên, chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn. Trong thời gian từ 5/2023 đến tháng 7/2024 các bị cáo đã sử dụng 02 tàu PT–2705 và tàu NB–2756 khai thác cát trái phép tại địa phận xã C, huyện B, Thành phố Hà Nội 317 chuyến, được 61.930,3m^3 cát, có tổng trị giá 4.954.424.000 (bốn tỷ chín trăm năm tư triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn) đồng. Số tiền bán cát sau khi trừ đi các chi phí, các bị cáo được hưởng lợi khoảng hơn 900.000.000 đồng và chia theo tỷ lệ vốn góp, trong đó Trần Văn H được hưởng lợi nhiều nhất là 390.375.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn H về tội "Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn H:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước trong nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên; gây ra nguy cơ xói lở các khu vực ven sông, làm ảnh hưởng đến sự an toàn của người dân sinh sống hai bên bờ sông và địa phương nên cần xét xử nghiêm minh nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò của bị cáo Trần Văn H với Trần Văn T2, Vũ H2 và Trần Mạnh H3 là cơ bản ngang nhau; trong đó bị cáo Trần Văn H là người góp 40% vốn để mua tàu PT–2705 và 50% vốn để mua tàu PT–2756, số tiền hưởng lợi của bị cáo là lớn nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Xét thấy mức hành phạt 05 (năm) năm tù mà bản án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp với tính chất của tội phạm, tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm xẩy ra. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo tiếp tục thành khẩn nhận tội và đã nhờ gia đình nộp số tiền thu lợi bất chính 240.375.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là đã thể hiện sự tự giác chấp hành pháp luật, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng và ghi nhận cho bị cáo; mặt khác xét thấy bị cáo là người lao động tạo thu nhập cơ bản trong gia đình, hiện tại đang phải nuôi 03 con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016), bố mẹ đã già yếu. Do đó, cần xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo, xem xét áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật để giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, làm người có ích cho xã hội.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Trần Văn H và sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 314/2025/HS–ST ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 04 (bốn) năm tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 26/7/2024.

2. Ghi nhận bị cáo Trần Văn H đã nộp số tiền thu lợi bất chính 240.375.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền điện tử số 0000066 ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Bị cáo Trần Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Vụ 1–TANDTC;*
- *Viện CT và KSXXPT–VKSNDTC tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *CA TP Hà Nội;*
- *Trại TG số 1–CA TP Hà Nội;*
- *THADS TP Hà Nội;*
- *Bị cáo (qua Trại TG);*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng